
Số: 1145 /QĐ-UB

Tuyên quang, ngày 09 tháng 11 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
về việc thu và sử dụng học phí ở một số trường
phổ thông trung học và trường mầm non
trên địa bàn các huyện

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ luật ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 90/CP ngày 21 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ " Về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế , văn hoá ".

Căn cứ quyết định số 70/ 1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Xét đề nghị của liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính - Vật giá tại tờ trình số 1770/LN-GD&TC ngày 19 tháng 10 năm 1998,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

1. Quy định mức học phí là 20.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh trường mẫu giáo, mầm non và 25.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh trường phổ thông trung học, áp dụng tại các trường thuộc các huyện sau:

- Huyện Chiêm Hoá:

- + Trường phổ thông trung học huyện Chiêm Hoá
- + Trường mầm non Sao Mai

- Huyện Hàm Yên

- + Trường phổ thông trung học huyện Hàm Yên
- + Trường mầm non Tân Yên

- Huyện Yên Sơn

- + Trường phổ thông trung học huyện Yên Sơn
- + Trường mầm non Liên cơ
- + Trường mầm non Sông Lô I
- + Trường mầm non Hoa Phượng
- + Trường mầm non Hoa Hồng

- Huyện Sơn Dương:

- + Trường phổ thông trung học huyện Sơn Dương
- + Trường mầm non huyện Sơn Dương
- + Trường mầm non Kỳ Lâm
- + Trường mầm non Xí nghiệp chè Tân Trào

- Số tháng thu học phí:

- + Đối với trường phổ thông trung học: thu học phí 9 tháng trong năm học.
- + Đối với nhà trẻ, mẫu giáo: thu học phí theo số tháng học trong năm học.

2. Không áp dụng mức thu học phí theo Quyết định số 725/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND tỉnh đối với các trường nêu tại điều 1 Quyết định này.

Điều 2: Miễn, giảm học phí:

1. Miễn thu học phí cho các đối tượng sau:

- Học sinh bị tàn tật có khó khăn về kinh tế.
- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa không có khả năng đóng học phí.
- Học sinh là con của liệt sỹ.
- Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61% trở lên.
- Học sinh có cha, mẹ hoặc người đỡ đầu hợp pháp thường trú tại các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

(có Phụ lục về danh sách các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa đính kèm quyết định này).

2. Giảm 1/2 mức thu học phí cho các đối tượng sau :

- Học sinh là: Con của thương binh, con của bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 21% đến 60%; con của quân nhân bị bệnh nghề nghiệp bị mất sức lao động từ 41% đến 60% hiện đang được hưởng trợ cấp theo hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh và xã hội;
- Học sinh là con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số.

- Học sinh là con của gia đình thuộc diện hộ nghèo (có trong sổ theo dõi hộ nghèo theo đúng hướng dẫn của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội)

3. Thủ tục miễn, giảm học phí

3.1. Học sinh được miễn, giảm học phí theo quy định tại Quyết định này phải có đơn đề nghị miễn, giảm và phải có xác nhận của các cơ quan có trách nhiệm như sau:

a. Phòng Lao động-thương binh và xã hội huyện, thị xã xác nhận đối với các đối tượng:

- Học sinh là con của liệt sỹ; học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, con của quân nhân bị bệnh nghề nghiệp theo từng loại tỷ lệ mất sức lao động đúng quy định.

- Học sinh là con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

- Học sinh bị tàn tật có khó khăn về kinh tế; học sinh là con của gia đình thuộc diện hộ nghèo.

b-UBND xã, phường, thị trấn xác nhận:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số.

- Nơi cư trú của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu hợp pháp thường trú ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

c. Thủ trưởng các cơ quan thực hiện việc xác nhận đối tượng miễn giảm học phí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung đã xác nhận. Nếu việc xác nhận sai phải đền bù tương ứng với số tiền thực hiện miễn, giảm không đúng do việc xác nhận sai gây ra.

Điều 3: Ngoài nguồn thu học phí, các trường có tên tại điều 1 Quyết định này được Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bao gồm :

- Phụ cấp ưu đãi giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 147/1998-TT-LT-TCCP-TC-LĐTBXH-GDDT ngày 5-3-1998 của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của UBND tỉnh.

- Kinh phí chi thường xuyên (12 tháng/năm) theo định mức của UBND tỉnh quy định.

- Kinh phí chi trả lương, phụ cấp khu vực, phụ cấp trách nhiệm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn 3 tháng hè cho cán bộ, giáo viên.

Điều 4: Chế độ quản lý học phí và kinh phí do ngân sách cấp:

1. Số học phí thu được theo quy định tại điều 1 Quyết định này phải nộp 100% vào ngân sách Nhà nước. Cơ quan Tài Chính-Vật giá thực hiện cấp lại kịp thời cho các Trường toàn bộ số học phí đã nộp ngân sách để chi tiêu phục vụ hoạt động của Trường.

2. Nhà trường được sử dụng toàn bộ số học phí thu được và nguồn kinh phí được cấp theo quy định tại điều 3 Quyết định này để trả lương và các khoản phụ cấp theo lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn; chi phí cho giảng dạy, học tập, sửa chữa trường, lớp học, bàn, ghế... và phải thực hiện đúng Luật Ngân sách Nhà nước, pháp lệnh kế toán thống kê, các quy định khác của Pháp luật và các quy định của tỉnh.

Điều 5: Tổ chức thực hiện:

1. Các Trường, các cơ quan quản lý hoạt động giáo dục-đào tạo phải lập dự toán thu, dự toán chi trình cấp có thẩm quyền quản lý phê duyệt :

- Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo và Chủ tịch UBND các huyện lập dự toán thu, dự toán chi (đối với các trường thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định về phân cấp quản lý sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh) gửi Sở Tài Chính-Vật giá để thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ dự toán được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Tài Chính Vật giá thông báo dự toán thu, dự toán chi đối với các Trường trực thuộc Sở quản lý, Chủ tịch UBND các huyện thông báo dự toán thu, dự toán chi đối với các Trường thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện (theo quy định về phân cấp quản lý sự nghiệp giáo dục đào tạo của UBND tỉnh).

- Sở Tài chính- Vật giá chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung, phương pháp, trình tự, mẫu biểu, thời gian lập dự toán các khoản thu, chi theo quyết định này.

2. Việc thu, chi và thanh quyết toán các khoản thu, chi theo quy định tại quyết định này phải thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước, các quy định khác của pháp luật và quy định của UBND tỉnh.

3. Giám đốc Sở Tài Chính-Vật giá chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch UBND các huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện chế độ công khai các khoản thu và công khai các khoản chi quy định tại Quyết định này đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm học 1998-1999, thực hiện từ ngày 01 tháng 11 năm 1998. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tự đặt ra bất kỳ một khoản thu nào khác trái với quyết định của UBND tỉnh. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm Quyết định này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Giao trách nhiệm cho:

- Sở Tài chính vật giá chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-thương binh và xã hội, Ban Dân tộc-miền núi và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quyết định này.

- Chủ tịch UBND các huyện : Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Sơn Dương chịu trách nhiệm phổ biến, tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra thực hiện quyết định này trên địa bàn; phối hợp với Sở Tài chính-Vật giá, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Lao động-thương binh và xã hội, Ban Dân tộc và miền núi và các cơ quan có liên quan giải quyết hoặc đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 6: Các ông, bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính-vật giá, Giám đốc Sở Lao động-thương binh và xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư, Trưởng Ban Dân tộc và miền núi, Chủ tịch UBND các huyện : Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Sơn Dương, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các Trường nêu tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: ✍

- TT Tỉnh uỷ
- TT HĐND tỉnh (báo cáo)
- Các Đ/C Thường vụ Tỉnh uỷ
- Các Đ/C Uỷ viên UBND tỉnh
- Các Ban HĐND tỉnh
- Các CV UB
- Như điều 6 (thực hiện)
- Lưu: VT

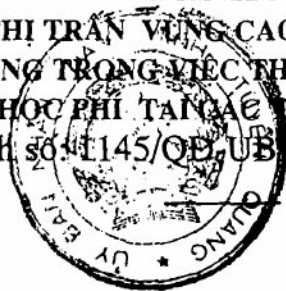


Nguyễn Trần Đạt

DANH MỤC

59 XÃ, THỊ TRẤN VÙNG CAO, VÙNG SÂU, VÙNG XA
ÁP DỤNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo quyết định số 1145/QĐ-UB ngày 09/11/1998 của UBND tỉnh).



I- HUYỆN SƠN DƯƠNG (4 xã vùng sâu, vùng xa)

- 1- Xã Trung yên
- 2- Xã Lương thiện
- 3- Xã Kháng nhật
- 4- Xã Thanh phát

II- HUYỆN YÊN SƠN

a- Xã vùng cao (có 3 xã)

- 1- Xã Kiến thiết
- 2- Xã Trung minh
- 3- Xã Hùng lợi

b- Xã vùng sâu, vùng xa (có 7 xã)

- 1- Xã Lực hành
- 2- Xã Đạo viện
- 3- Xã Công đa
- 4- Xã Kim quan
- 5- Xã Trung sơn
- 6- Xã Quý quân
- 7- Xã Trung trực

III- HUYỆN HÀM YÊN

a- Xã Vùng cao (có 2 xã)

- 1- Xã Yên thuận
- 2- Xã Phù lưu

b- Xã vùng sâu, vùng xa : (có 4 xã)

- 1- Xã Minh hương
- 2- Xã Bằng cốc
- 3- Xã Thành long
- 4- Xã Hùng đức

IV- HUYỆN CHIÊM HOÀ



a- Xã vùng cao (có 11 xã)

- 1- Xã Hà lũng
- 2- Xã Trung hà
- 3- Xã Tri phú
- 4- Xã Linh phú
- 5- Xã Bình phú
- 6- Xã Kiên đài
- 7- Xã Phúc sơn
- 8- Xã Minh quang
- 9- Xã Thổ bình
- 10- Xã Bình an
- 11- Xã Hồng quang

b- Xã vùng sâu, vùng xa (có 7 xã)

- 1- Xã Bình nhân
- 2- Xã Yên lập
- 3- Xã Phú bình
- 4- Xã Hùng mỹ
- 5- Xã Tân mỹ
- 6- Xã Nhân lý
- 7- Xã Kim bình

V- HUYỆN NA HANG (vùng cao có 20 xã, 1 thị trấn):

- | | |
|-------------------|----------------------|
| 1- Xã Trùng khánh | 12- Xã Xuân lập |
| 2- Xã Sơn phú | 13- Xã Hồng thái |
| 3- Xã Vĩnh yên | 14- Xã Thượng nông |
| 4- Xã Thanh tương | 15- Xã Côn lôn |
| 5- Xã Năng khả | 16- Xã Khau tình |
| 6- Xã Thượng lâm | 17- Xã Sinh long |
| 7- Xã Khuôn hà | 18- Xã Thượng giáp |
| 8- Xã Lãng can | 19- Xã Đà vị |
| 9- Xã Đức xuân | 20- Xã Yên hoa hang |
| 10- Xã Phúc yên | 21- Thị trấn Na hang |
| 11- Xã Thuý loa | |